

XÂY DỰNG XÃ HỘI DÂN SỰ (XHDS) Ở LIÊN HIỆP ANH

PGS.TS. Đinh Công Tuấn
Viện Nghiên cứu Châu Âu

Đặt vấn đề

Xét về những điều kiện lịch sử thì xã hội dân sự (XHDS) được coi là một thành quả của sự phát triển. Vì vậy, trong những năm gần đây, vấn đề XHDS được biết đến như một nhu cầu có sức thu hút trong việc nghiên cứu, tìm hiểu và tìm phương thức xây dựng ở nhiều quốc gia trên thế giới. Ở châu Âu, XHDS thường đi tiên phong khi tham gia giải quyết các vấn đề về chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội, liên quan đến các vấn đề về giới, môi trường, nợ quốc tế, phòng chống HIV, gọi mở tranh luận chính sách toàn cầu, phân biệt xã hội, bảo vệ các nhóm yếu thế trong xã hội, xây dựng vốn xã hội, tham gia quản trị kinh tế - xã hội, tạo lập các quỹ, nâng cao nhận thức và tạo nguồn lực xã hội, thúc đẩy dân chủ, minh bạch hoá các hoạt động xã hội... XHDS, do vậy, cũng đang là đề tài thu hút sự chú ý đặc biệt của giới nghiên cứu và các nhà hoạt động xã hội Việt Nam hiện nay. Bài viết nhằm giới thiệu việc xây dựng XHDS ở Liên hiệp Anh trong thời gian vừa qua.

1. Bối cảnh phát triển

Nước Anh là quốc gia đóng vai trò đầu tàu trong công nghiệp hoá, tự do thương mại và có những thành tố đầu tiên của trật tự Nhà nước xã hội phát triển sớm nhất. Anh có nét

khác biệt so với các nước khu vực Bắc Âu hoặc châu Âu lục địa. Xã hội có truyền thống văn hoá tranh luận chính trị. Hệ thống chính trị “hai đảng” (Bảo thủ và Lao động) là chủ yếu, song đảng Dân chủ tự do cũng ngày càng có vai trò quan trọng hơn. Các giá trị tự do là nét truyền thống gắn bó sâu sắc trong văn hoá chính trị Anh, do vậy, người dân thường nhạy cảm với các cải cách theo hướng tân-tự do, hơn là so với các nước khác trong châu lục. Hai đặc điểm nổi bật về văn hoá chính trị, XHDS ở Anh là sự hoà nhập chuẩn mực yếu và chủ nghĩa thực dụng, luôn đề cao giá trị đa nguyên, song lại có mức độ thể hiện khác biệt giữa các đảng phái.

Theo phân loại của tác giả Esping - Anderson (1990), nước Anh được coi là trường hợp kinh điển về mô hình tự do (thị trường tự do, không điều tiết và Nhà nước Phúc lợi tự do), và là ví dụ quan trọng về mô hình Nhà nước Phúc lợi tự do - kiểu Anglo Săcsông.

Giai đoạn 1940-1976, hệ thống phúc lợi nổi tiếng do William Beveridge¹ thiết lập, được phổ biến khắp đất nước Anh. Hệ thống này có ba thành tố chính là nhà nước cung

¹ William Beveridge (1879-1963), nhà kinh tế học người Anh.

cấp mức chuẩn đời sống tối thiểu cho mọi người, áp dụng hệ thống dịch vụ y tế quốc gia, và triển khai chính sách lao động-việc làm đầy đủ. Cho đến năm 1975, hầu hết các chính phủ Anh, bất kể do đảng nào cầm quyền, đều thực hiện chính sách việc làm toàn dụng, đầy đủ theo quan điểm của nhà kinh tế học Keynes. Tuy nhiên, kể từ thập kỉ 1970, trong điều kiện kinh tế thị trường, Anh cũng như nhiều quốc gia khác, đã nhận ra hạn chế của chính sách này, đặc biệt do tác động, ảnh hưởng của suy thoái, khủng hoảng dầu lửa năm 1973.

Năm 1979, chính quyền Thatcher đã tái định hướng các chính sách kinh tế, xã hội dựa trên nguyên tắc thắt chặt tiền tệ, tài chính và tư nhân hoá (Thomat Meyer và Nicole Breyer, 2007, theo Kaufmann 2003). Theo tiến trình cải cách xã hội, Nhà nước phúc lợi Anh chuyển dần sang theo hướng mô hình tự do. Hệ thống Anh đặt ra việc đảm bảo an sinh cơ bản và tối thiểu (kết hợp an sinh xã hội, lợi ích trẻ em, phúc lợi xã hội cho nhóm xã hội cần thiết v.v...). sắp xếp thể chế về sản xuất phúc lợi dựa vào ảnh hưởng phân phối của thị trường và mức độ tham gia thị trường lao động. Một mặt, hệ thống này có thể phát huy hiệu quả trong việc tránh đề xảy ra nạn nghèo đói trực tiếp, song lại có nguy cơ tạo ra tình trạng bất bình đẳng xã hội lớn. Nhà nước phúc lợi vẫn được coi là khung khổ định hướng quan trọng cho các đảng chính trị và các chính phủ cầm quyền. Các đảng chính trị (ví dụ, đảng Lao động)

cũng tập trung vào thảo luận toàn cầu về "con đường thứ ba" trong dân chủ xã hội hiện đại ở Anh.

Đặc điểm của Anh là không có văn bản Hiến pháp và do vậy không có các điều luật về quyền cơ bản. Chỉ đến năm 1998, Hiệp định Châu Âu về quyền con người, và Hiến chương Châu Âu, mới được lồng ghép vào Luật Anh. Một số quyền cơ bản được đảm bảo như quyền thành lập công đoàn, thực hiện mức lương quốc gia tối thiểu, điều kiện lao động và các lợi ích hưu trí. Quyền bình đẳng nam, nữ chưa được thực hiện đầy đủ.

Sự tham gia của các cá nhân vào các tổ chứcXHDS và dân chủ không thể hiện thành xu hướng rõ ràng. Một mặt, thành viên các tổ chứcXHDS phi lợi nhuận như tổ chức từ thiện, môi trường đã tăng lên, song mặt khác, dân cư tham gia bầu cử chính trị lại giảm đi. Những năm 1950, tỉ lệ tham gia bầu cử khoảng 70-80% nay giảm đi khoảng 59%. (Office of National Statistics, 2003), và có sự phân tầng, khác biệt quan điểm trong dân cư. Nhiều người dân không quan tâm đến chính trị. v.v...

Do vậy, những năm gần đây, mối quan tâm của các nhà nghiên cứu, chính trị vềXHDS được phục hồi và ngày càng tăng cường. Một số lí do chính là sự e ngại về suy giảm chất lượng dân chủ ở Anh, "sự thiếu hụt" các hoạt động trongXHDS ở Anh và Ireland, và bối cảnh thay đổi, những tác động của nhiều yếu tố chính trị và kinh tế, bắt

nguồn từ sự chuyển đổi từ chế độ cộng sản sang dân chủ hoá ở Đông Âu, hoà nhập châu Âu và sụp đổ các chế độ độc tài trên toàn thế giới. XHDS đã trở thành chương trình nghị sự mới về "công tác quản trị tốt", góp phần củng cố các nền dân chủ mới nổi và khắc phục những phê phán ngày càng gay gắt về giải pháp tân - tự do, đối với công tác xoá đói giảm nghèo (XĐGN) và lĩnh vực phát triển.

Ở Anh, khu vực thứ ba (còn gọi là nền kinh tế mang tính xã hội (social economy), phi lợi nhuận, tình nguyện) ngày càng thu hút chú ý của các nhà hoạch định chính sách. Một số nguyên nhân chính bao gồm:

Thứ nhất: Do người dân thể hiện sự thất vọng đối với các giải pháp thị trường tư nhân, vì khu vực tư nhân ít chú ý đến nhu cầu, khả năng tổn thương kinh niên của các nhóm yếu thế đối với sự chuyển động lên xuống của chu kì kinh tế và thị trường tài chính:

Thứ hai: Gia tăng mối nghi ngờ đối với các quan điểm tiếp cận chính trị nổi trội trong xã hội, cũng như sự hoài nghi về năng lực các tổ chức giám sát của Nhà nước, số ngân sách ít ỏi cho cung cấp dịch vụ công không thể đáp ứng nhu cầu, kì vọng của người sử dụng dịch vụ và mong muốn ngày càng đa dạng của công dân nói chung:

Thứ ba: Người dân đã thể hiện sự giao phó, lòng tin tích cực hơn đối với những đóng góp thực sự và tiềm năng của tổ chức

XHDS, tự nguyện nhằm giải quyết vấn đề xã hội chung. Các tổ chức này góp phần tạo thêm sự chọn lựa và đáp ứng dịch vụ xã hội, tạo ra cơ hội, môi trường nuôi dưỡng niềm tin, củng cố đặc điểm dân sự, "vốn xã hội" bằng cách thu hút công dân tích cực tham gia vào đời sống cộng đồng và công cộng. Đó không chỉ là do đặc điểm, công kinh tế của địa phương, quốc gia và quốc tế mà nó còn đóng vai trò thành tố chủ chốt của "con đường thứ ba" trong lĩnh vực chính trị.

Nghiên cứu về XHDS ở Anh và Ireland (Carnegie UK Trust 2006) đã sử dụng định nghĩa về XHDS như là "khoảng không gian" hoạt động có tổ chức, mà Chính phủ hoặc doanh nghiệp (thị trường - vì lợi nhuận) không tham gia thực hiện. XHDS ở Anh bao gồm: khu vực tình nguyện, cộng đồng, công đoàn, nhóm tôn giáo, hợp tác xã và nhóm tương hỗ, các đảng chính trị và các quỹ thiện nguyện. Tuy nhiên, định nghĩa này công nhận ranh giới khoảng không gian này là không cố định, xê dịch. Anh phân biệt ba loại khu vực tình nguyện:

+ *Khu vực phi lợi nhuận rộng rãi (BNS)*, gồm các tổ chức chính thức, có tính chất thể chế hoá, độc lập với Nhà nước, tự quản, phân phối phi lợi nhuận và một phần là hoạt động tình nguyện.

+ *Khu vực tình nguyện rộng rãi (BVS)*, gồm các tổ chức, thuộc khu vực phi lợi

nhuận nêu trên, nằm bên ngoài các đảng chính trị và Hiệp hội Tôn giáo;

+ *Khu vực tình nguyện hẹp (NVS)*, gồm mọi tổ chức thuộc khu vực tình nguyện trên, loại tổ chức không theo kiểu truyền thống có thể là một phần của Nhà nước, hoặc không hoàn toàn vì lợi, định hướng phục vụ lợi ích công. Khu vực này loại trừ các trường đại học, trường học, câu lạc bộ thể thao, công đoàn và các hiệp hội kinh doanh.

Thuật ngữ “khu vực thứ ba” xuyên suốt ba định nghĩa trên.

2. Về đặc điểm cấu trúc

Cũng như khu vực Nhà nước hoặc doanh nghiệp tư nhân khác, thành phần của “khu vực thứ ba” ở Anh rất đa dạng về loại hình tổ chức, cấu trúc và phương thức lĩnh vực hoạt động. Các tổ chức XHDS ở Anh dường như phát triển khá mạnh, đặc biệt ở lĩnh vực đời sống hiệp hội. Mỗi quan hệ bên trong XHDS cũng phản ánh sự khác biệt rộng rãi trong xã hội, đặc biệt, thể hiện ở khía cạnh hoạt động phi chính thức của XHDS – tính chất phi tổ chức, phi cấu trúc giữa các cá nhân nhằm theo đuổi mục tiêu cá nhân cũng như mục tiêu xã hội công cộng.

Những năm gần đây, số lượng thành viên tham gia vào loại hình các tổ chức ở khu vực tình nguyện, cộng đồng, đã tăng nhanh (Carnegie, UK 2006). Cụ thể:

Về tổ chức từ thiện: Năm 2005, ở Anh có 169.427 tổ chức từ thiện, tăng trên 50.000

so với năm 1995. Số lượng thành viên tham gia tình nguyện chính thức cũng tăng mạnh. Có tới 42% dân số ít nhất tham gia tình nguyện chính thức một lần trong năm 2003-2004 và tăng lên 39% so với năm 2001. Ở Ireland, người dân tham gia hoạt động tình nguyện định kỳ chiếm khoảng 23% dân số.

Về các tổ chức tôn giáo: Các tổ chức này đóng vai trò quan trọng trong XHDS ở Anh, Ireland. Các tổ chức này lưu giữ và chuyển tải các giá trị xã hội, cung cấp tiếp cận trực tiếp với các dịch vụ phúc lợi và phát triển cộng đồng. Các hoạt động tôn giáo gắn chặt với tình nguyện, cộng đồng.

Số lượng các tổ chức từ thiện đăng ký ở Anh năm 2006 là 23.823 (Ủy ban Từ thiện), trong đó hơn 50% tham gia cung cấp tài chính và 30% tham gia cung cấp dịch vụ xã hội. Tổng nguồn kinh phí hoạt động năm 2006 là 4.6 tỉ bảng Anh. Tuy nhiên, số liệu này chưa bao gồm sự đóng góp của khoảng 16.000 nhà thờ (tham gia hoạt động XHDS ở cộng đồng) song không có tên trong danh sách đăng ký.

Về các tổ chức công đoàn: ở Anh, mối quan hệ XHDS và tổ chức công đoàn là không rõ ràng. Công đoàn là loại tổ chức hoạt động xuyên suốt ở cả ba khu vực: thị trường, nhà nước và XHDS. Công đoàn đóng vai trò quan trọng trong các cấu trúc quản trị nghiệp đoàn quốc gia và được coi như đối tác chính trong XHDS. Tuy nhiên, số liệu thống kê cho thấy, thành viên công nhân

tham gia công đoàn đã giảm dần từ 54% (1980) xuống 29% (2007) ở Anh và từ 63% (1980) xuống còn 43% (2004) ở Ireland. Điều này cho thấy ảnh hưởng của công đoàn đang suy giảm. Do vậy, các tổ chức công đoàn đang tập trung nỗ lực thu hút thành viên vào nền kinh tế tri thức mới. Các tranh luận cũng nhằm xác định lại bản chất tổ chức công đoàn trong bối cảnh thế giới thay đổi, đặc biệt khi công đoàn có xu hướng ngày càng tham gia và chia sẻ nhiều hơn vào các chương trình nghị sự của các hộiXHDS khác (như các phong trào xã hội, các tổ chức phi chính phủ quốc tế) nhằm tìm kiếm cách thức tái điều tiết thị trường toàn cầu, khi một số các nhà nước không có khả năng, hoặc không mong muốn điều tiết nền kinh tế quốc gia như trước. Tinh thần đoàn kết công đoàn cũng cần được mở rộng toàn cầu và khắc phục những hạn chế, rào cản khi bị bó hẹp trong hệ thống quốc gia và cần có nhiều hình thức hoạt động phù hợp và linh hoạt hơn.

Các hội tương hỗ và hợp tác xã, tương tự như công đoàn, cũng không hoàn toàn tách biệt với thị trường. Các hội tín dụng và hợp tác xã tham gia đáp ứng và khắc phục những thiếu hụt thị trường và cung cấp các hàng hoá dịch vụ như cung cấp nhà ở, phát triển cộng đồng, nông nghiệp, y tế, giáo dục, chăm sóc trẻ em và tín dụng v.v... Ngoài ra, ở Anh, Chính phủ còn thành lập các hãng, công ty lợi ích cộng đồng, các hình thức mới về tương hỗ, nhằm tạo nên bản sắc mới cho các hình thức hợp tác cổ truyền.

Mặc dù ở Anh số lượng các hợp tác xã bán lẻ giảm đi, hoặc giải thể nhiều hình thức bảo hiểm tương hỗ, và chuyển đổi nhiều hiệp hội tín dụng thành ngân hàng cổ phần được giám sát, song không có nghĩa là số lượng các tổ chức tương hỗ giảm đi. Hiện nay, có khoảng 30 triệu người là thành viên các tổ chức tương hỗ, với khoản doanh thu quay vòng là 25 tỉ bảng Anh, thu hút và sử dụng khoảng 250.000 lao động làm công.

Về các tổ chức quỹ từ thiện (Foundations): Các quỹ có mục tiêu, vai trò hỗ trợ cho Nhà nước, và thường hoạt động ở những lĩnh vực Nhà nước không muốn hoặc không thể hoạt động. Ước tính hiện có khoảng 9.000 tổ chức quỹ, hàng năm cung cấp tổng kinh phí 2 tỉ bảng Anh cho các hoạt độngXHDS. Ngoài ra, nhiều tổ chức tình nguyện cũng tự xếp loại là dạng quỹ, mặc dù chưa đáp ứng đầy đủ tiêu chí căn bản về tổ chức quỹ. Xuất hiện nhiều hình thức tự nguyện như quỹ cộng đồng và cơ sở thiện nguyện.

Tuy nhiên, hoạt động của các quỹ cũng vấp phải một số khó khăn, chẳng hạn, ngày càng khó xác định ranh giới lĩnh vực hoạt động nào sẽ mang tính "bổ trợ" cho hoạt động nhà nước hoặc "thay thế" cho nhà nước. Việc "tư nhân hoá" các dịch vụ ở khu vực công thường bị lẫn lộn với hoạt động của tổ chức tình nguyện, cộng đồng. Ngoài ra, việc xuất hiện một số hình thứcXHDS phi thể chế khác như nhóm cá nhân, liên minh các nhóm, nằm bên ngoài các tổ chứcXHDS chính thức, sử dụng công nghệ thông

tin truyền thông, hình thức quan hệ lòng leo, linh hoạt hoặc “đổi lập” cũng tạo ra nhiều thách thức về quan điểmXHDS như “đời sống hiệp hội”, và đặc biệt, quan điểm về “xã hội tốt đẹp”. Điểm nữa là khó khăn đánh giá về mức độ, khả năng các tổ chức XHDS ảnh hưởng tích cực đến các kết quả xã hội, khi còn thiếu các chứng cứ, tiêu chí rõ ràng về kết quả hoạt động của các tổ chức này. Ngoài ra, xã hội cũng nhận thức ngày càng rõ hơn về những “mặt trái” của XHDS, sự đan xen giữa “hoạt động tốt và xấu”, hoặc lên án những hoạt động có thể gây nên sự kì quái, phản nộ, phản cảm” trong xã hội vv...

3. Về vai trò XHDS

Các tổ chức XHDS đóng góp và giải quyết đáng kể các vấn đề về kinh tế, xã hội ở nước Anh. Khu vực tình nguyện và cộng đồng có truyền thống cung cấp dịch vụ xã hội lâu đời, và từ năm 1990, Nhà nước trở thành nơi cung cấp ngân sách chủ yếu cho các nhóm phát triển cộng đồng. Tham gia tình nguyện bao gồm nhiều đối tác trong xã hội: chủ sử dụng lao động, công đoàn, nông dân và Chính phủ. Việc thu hút khu vực tình nguyện tham gia mô hình đối tác xã hội là điểm nổi bật, trong đó hướng quan tâm tới các nhóm bị loại trừ trong xã hội (các nhóm yếu thế).

Nguồn kinh phí, qui mô các hoạt động tình nguyện, cộng đồng tham gia trong cung cấp dịch vụ công cũng ngày một gia tăng.

Về tạo việc làm, kết quả điều tra (Lester Salamon, H. Adheir, Regina List, ed, 1999) cho thấy, đóng góp của khu vực XHDS, phi

lợi nhuận ở Anh thể hiện ở việc thu hút khoảng 1,5 triệu người lao động được trả công, chiếm khoảng 6% tổng số lao động và lớn hơn lượng lao động làm công, ăn lương ở cơ quan lớn nhất là Bộ Y tế Quốc gia (1,1 triệu lao động trong năm 1995). Có khoảng hơn nửa triệu lao động tình nguyện không hưởng lương, chiếm khoảng 2,2% tổng số lao động làm công, ăn lương. Sự đóng góp của “khu vực thứ ba” tạo ra việc làm hưởng lương là đáng kể, song hoạt động tình nguyện, không tính công vẫn là nguồn lao động đầu vào lớn của khu vực này nói chung.

Nếu tính đến mọi đóng góp về thời gian (lao động bán thời gian) của 16 triệu người lao động tình nguyện, sẽ tương đương khoảng 1,7 triệu người lao động tình nguyện (làm việc đầy đủ thời gian) và sẽ cao hơn so với số người được hưởng lương (1,5 triệu lao động) trong nền kinh tế.

Nếu tính cả số lao động tình nguyện của các tổ chức tình nguyện trong tổng lao động nói chung, sẽ thấy khu vực phi lợi nhuận là nơi cung cấp khoảng 12,3% nguồn nhân lực cho nền kinh tế đất nước. Đóng góp cho nền kinh tế còn được thể hiện dưới dạng GDP. Tổng đóng góp của khu vực phi lợi nhuận là khoảng 74,9 tỷ USD (47,1 tỷ bảng Anh), năm 1995 chiếm khoảng 6,6% GDP (chưa kể các giá trị đóng góp của hoạt động tình nguyện). Các ước tính kinh tế cho thấy, giá trị hoạt động tình nguyện ở khu vực phi lợi nhuận vào khoảng 25 – 32 tỷ USD, chiếm khoảng 8,7% - 9,2% GDP (1995).

Bảng 1: Đóng góp kinh tế của khu vực thứ ba (phi lợi nhuận, tình nguyện) (1995)

Chỉ báo kinh tế	Khu vực phi lợi nhuận rộng bằng ngân sách	Khu vực phi lợi nhuận, lao động tình nguyện, khu vực tình nguyện hẹp
Số người lao động (ngàn)	16.311	7.852
Lao động tình nguyện (ngàn)	1.664	774
Lao động hưởng lương (ngàn)	1.473	503
% trong lao động trả công	6,3	2,2
Tổng lao động trả công và không trả công (ngàn)	3.137	1.277
% việc làm bao gồm tình nguyện (ở mọi khu vực chính thức)	12,3	5,0
Tổng chi tiêu	74,9 tỷ đôla	245,5 tỷ đôla
% chi tiêu của GDP	6,6	2,2
Tổng chi tiêu gồm cả tình nguyện	107,5 tỷ đôla	39,6 tỷ đôla
% Chi tiêu của lao động tình nguyện trong GDP	9,2	3,4

Nguồn: John Hopkin Comparative non-profit sector project (CNP), 1999.

Bảng 2: Phân bố về lao động trả công và không trả công theo các lĩnh vực hoạt động, (1995)*

Lĩnh vực hoạt động	Lao động trả công (ngàn người) và %	Lao động tình nguyện (ngàn người) và %	Tổng lao động (ngàn người) và %
Văn hoá giải trí	347 (23,8)	351 (21,1)	698 (22,2)
Giáo dục và nghiên cứu	587 (44,3)	58 (3,5)	645 (20,6)
Y tế	60 (4,2)	143 (8,6)	203 (6,5)
Dịch vụ xã hội	185 (12,7)	221 (13,3)	406 (12,9)
Môi trường	18 (1,6)	44 (2,6)	62 (1,9)
Phát triển và nhà ở	108 (7,7)	210 (12,6)	318 (10,1)
Luật, vận động và chính trị	10 (0,7)	35 (2,1)	45 (1,4)
Từ thiện trung gian	10 (0,7)	22 (1,3)	32 (1,0)
Các hoạt động quốc tế	54 (3,7)	7(0,4)	61 (1,9)
Tôn giáo	58 (4,0)	544 (32,7)	602 (19,2)
Hiệp hội nghề nghiệp, công đoàn	37 (2,6)	0 (0,0)	37 (1,2)
Khác		29 (1,80)	29 (0,9)
Tổng khu vực phi lợi nhuận	1.473 (100)	1.664 (100)	3.137 (100)

Nguồn: John Hopkin Comparative non-profit sector project (CNP), 1999.

* Theo phân loại quốc tế về các tổ chức phi lợi nhuận (ICNOP).

Về các lĩnh vực hoạt động: Hầu hết số lao động được hưởng lương ở "khu vực thứ ba", phi lợi nhuận tập trung hoạt động ở lĩnh vực giáo dục, văn hoá - giải trí, các dịch vụ xã hội, chiếm khoảng 3/4 các hoạt động ở khu vực phi lợi nhuận. Một số lĩnh vực như y tế, môi trường, phát triển cộng đồng, vận động xã hội và tôn giáo chủ yếu thu hút đóng góp tình nguyện với đa số người lao động không hưởng lương. Trong các lĩnh vực giáo dục và nghiên cứu, dịch vụ nhà ở, hoạt động phát triển quốc tế, hiệp hội nghề nghiệp, các lao động được trả công chiếm ưu thế. Trong lĩnh vực văn hoá, giải trí và dịch vụ xã hội, tỉ lệ lao động được trả lương và không trả lương là tương đương.

Về qui mô và thành phần của khu vực thứ ba: Số liệu giai đoạn 1990-1995 cho thấy, mặc dù trong giai đoạn kinh tế Anh trải qua áp lực đình trệ, nhưng tỉ lệ lao động phi lợi nhuận có hưởng lương vẫn tăng lên từ 4,0% lên 6,1%. Tỉ lệ tăng được giải thích là do có sự chuyển đổi các thiết chế giáo dục, trước kia được giám sát trực tiếp bởi chính quyền địa phương, sau đó thành tổ chức tự quản, phi lợi nhuận hoạt động trong hệ thống Nhà nước.v.v..

Tỉ lệ lao động khu vực tình nguyện tăng 29% từ 390.000 lên 503.000 người, tương đương tỉ lệ tăng trường lao động - việc làm của khu vực ngân hàng và bảo hiểm. Khi qui "mô khu vực thứ ba" tăng lên, cơ sở nguồn lực kinh phí cũng thay đổi. Các nguồn thu để đảm bảo hoạt động, do Nhà nước cung cấp trực tiếp, cũng tăng lên, gồm các dạng tài trợ

trực tiếp, các hợp đồng và thoả thuận dịch vụ, song không bao gồm các hỗ trợ gián tiếp qua nguồn thuế.

Có thể thấy khuynh hướng phát triển "khu vực thứ ba" ở Anh mang tính chất ngày càng "thương mại" hơn, giống như xu hướng của Mỹ. Tuy nhiên, ở Anh, các đóng góp tư và thu nhập từ tư nhân (như thu phí người sử dụng dịch vụ, bán hàng, thu nhập từ đầu tư v.v..) đã tăng lên, song vẫn còn khá thấp.

Về thành phần: Phân biệt các loại hình tổ chức phi lợi nhuận theo lĩnh vực hoạt động, mục tiêu, và chịu ảnh hưởng của các yếu tố áp lực hoặc cơ hội khác nhau. Hầu hết các tổ chức phi lợi nhuận tham gia những lĩnh vực hoạt động mà khu vực công không "động chạm" tới, và tham gia thiết kế, thực hiện chính sách và sự phát triển của tổ chức gắn với nguồn kinh phí và các quyết định khác của khu vực công.v.v..

Sự khác biệt của các tổ chức phi lợi nhuận cũng được phản ánh trong từng lĩnh vực. Chẳng hạn, việc tổ chức phi lợi nhuận tham gia vào hoạt động giáo dục và nghiên cứu tăng lên, phản ánh sự tái phân bổ sở hữu ở từng lĩnh vực cụ thể, do tác động của sự chuyển dịch từ các thiết chế tự giám sát trực tiếp của Nhà nước sang vị thế bán độc lập (tự chủ) trong hệ thống Nhà nước điều tiết và hỗ trợ ngân sách. Cụ thể, giai đoạn 1990-1995, chính sách giáo dục của Nhà nước thay đổi theo hướng chuyển các tổ chức giáo dục đại học, cao đẳng từ các thiết chế được giám sát bởi chính quyền địa phương sang hình thức nghiệp đoàn từ thiện, tự quan. Và thực hiện

đề án cải cách hệ thống giáo dục của Chính phủ bắt đầu từ cuối năm 1980, dựa trên số phiếu biểu quyết nhất trí của phụ huynh, số lượng các trường trung học và tiểu học tự quyết định rút ra khỏi sự giám sát trực tiếp của chính quyền địa phương và chuyển sang hoạt động theo cơ chế phi lợi nhuận ở "khu vực thứ ba" ngày càng tăng lên. Các tổ chức giáo dục phi lợi nhuận hoạt động song song với các tổ chức cung cấp dịch vụ giáo dục truyền thống như các trường đại học (do nguồn nhân sách của Nhà nước bao cấp, hoặc do Nhà Thờ hỗ trợ) và các trường tình nguyện, các trường độc lập khác (từ nguồn kinh phí tư nhân).

Các dịch vụ xã hội cá nhân, hoạt động chăm sóc người già, tàn tật dựa vào cộng đồng ở khu vực tình nguyện tăng lên. Sự phát triển lĩnh vực này một phần do Nhà nước khuyến khích và cung cấp nguồn lực, và phần nào đó, do người dân tỏ ra thờ ơ với dịch vụ công trực tiếp v.v... Nhìn chung, lĩnh vực này phụ thuộc nhiều hơn vào nguồn kinh phí từ phía Nhà nước. Tuy nhiên, người hưởng lợi chính của các ưu tiên công mới gắn với dịch vụ xã hội vẫn là khu vực tư nhân (chủ yếu doanh nghiệp nhỏ), tích cực tham gia hoạt động chăm sóc người già.

Hai lĩnh vực khác như phát triển và nhà ở, hoạt động phát triển quốc tế được mở rộng và thực hiện bởi hiệp hội nhà ở, mặc dù Chính phủ có tài trợ, tuy nhiên, "không gác" thị trường chuyên gia nhà ở xã hội vẫn chịu ảnh hưởng mạnh của cạnh tranh từ khu vực tư nhân. Do mọi lĩnh vực đều liên

đối lẫn nhau, nên khu vực tình nguyện cũng chịu ảnh hưởng mạnh hơn của cạnh tranh so với khu vực Chính phủ và doanh nghiệp tư nhân.

Nếu so sánh, qui mô "khu vực thứ ba" của Anh lớn hơn so với nhiều quốc gia trong khu vực, song lại tương đối nhỏ so với nhóm các quốc gia dân chủ phát triển. Khu vực này thu hút 6,2% lao động được trả công, 10,6% lao động tình nguyện; và thấp hơn so với khu vực các quốc gia phát triển-tương ứng là 6,9% và 9,4%; so với các nước Tây Âu 7,0% và 10,3%; Đông Âu 1,1% và 1,7% (1995).

"Khu vực thứ ba" ở Anh có điểm tương phản với các nước EU khác là tham gia tương đối hạn chế vào cung cấp dịch vụ xã hội, mặc dù khu vực này vẫn có ý nghĩa quan trọng và xu hướng chung của châu Âu là tham gia ngày càng tăng lên. Nhìn chung, khu vực doanh nghiệp tư nhân ở Anh tỏ ra đáp ứng nhanh, nhạy hơn đối với mở rộng thị trường chăm sóc cộng đồng. Ngược lại, ở các nước EU khác, khu vực tư nhân dường như có vai trò hạn chế đối với dịch vụ chăm sóc (trẻ em, người già, tàn tật...). Chủ yếu hoạt động này là do khu vực công, khu vực phi chính thức và "khu vực thứ ba", phi lợi nhuận tham gia đảm nhận ngày càng tăng lên.

Hoạt động quốc tế là lĩnh vực mà "khu vực thứ ba" của Anh đóng vai trò quan trọng hơn các lĩnh vực khác. Nguồn kinh phí cho các hoạt động, bao gồm lệ phí dịch vụ 44%, ngân sách công 47% và từ thiện 9%, so với tỉ

lệ trung bình ở 22 quốc gia tương ứng là 49%, 40% và 11%. "Khu vực thứ ba" ở Anh chuyển dần từ việc dựa vào nguồn kinh phí tư nhân hoặc từ thiện sang dựa vào nguồn khu vực công hỗ trợ là nguồn chính, và sự phụ thuộc này thực tế là mô hình nổi trội của EU, cũng như ở các nước Đức (64%), Pháp (58%), Bỉ (77%) và Hà Lan (59%) (năm 1995).

Có thể khái quát, "khu vực thứ ba" của Anh có đóng góp kinh tế đáng kể, thu hút cân đối lực lượng lao động được trả công và lao động tình nguyện tham gia. Vào thập kỉ 1990, các hoạt động của khu vực này ngày càng dựa vào nguồn kinh phí hỗ trợ từ khu vực công, chứ không phải dựa vào nguồn thu lệ phí dịch vụ xã hội như nhiều nước khác. Mặt khác, "khu vực thứ ba" của Anh cũng có điểm khác với mô hình "chu nghĩa nghiệp đoàn" châu Âu. Những ảnh hưởng của di sản lịch sử về quan hệ giữa Nhà nước và xã hội và điều kiện hoàn cảnh thực tiễn môi trường hiện đại đã định hướng tương tác giữa hai khu vực này. Theo truyền thống Anh, mối quan hệ giữa "khu vực thứ ba" và "khu vực Nhà nước" đã phát triển theo cách thực dụng và thường trực, và thay đổi khác nhau ở các lĩnh vực cụ thể, không theo khuôn mẫu hoặc nguyên tắc duy nhất.

So với các quốc gia Bắc Âu, ở Anh quan hệ này có một số nét khác biệt. Ở các nước Bắc Âu, phổ biến nguyên tắc về mức độ hỗ trợ (subsidiarity), vốn có cội rễ gắn sâu từ triết lí xã hội Thiên chúa giáo Tin lành, đóng vai trò chính quyết định phân công lao

động trong cung cấp dịch vụ con người, và tạo ra lợi thế đặc biệt cho các tổ chức dịch vụ xã hội dựa vào tôn giáo. Mặc dù, ngày nay những lợi thế này ngày càng giảm đi, song chúng vẫn đóng vai trò quan trọng và tạo nên điểm khác biệt, so với nước Anh.

Thực tế ở Anh cho thấy, mặc dù xã hội không phủ nhận ảnh hưởng lớn của Nhà thờ đối với phát triển của "khu vực thứ ba", song nguyên tắc Subsidiarity không được coi là nguyên tắc tổ chức xuyên suốt trong quyết định phân công lao động theo khu vực. Ở Anh, nguyên tắc này chỉ ảnh hưởng chính sách ở "khu vực thứ ba" là lĩnh vực giáo dục tiểu học và trung học - như hệ thống "kép", do thoả thuận giữa Nhà nước, chính quyền địa phương, Nhà thờ Tin lành và Anglican từ cuối thế kỉ 19 cho đến cải cách giáo dục cuối 1980.

Thực tế cho thấy tương đối khó khái quát chính xác về vị trí, vai trò của "khu vực thứ ba" trong quan hệ với Nhà nước Anh, do khu vực tư nhân, tìm kiếm vì lợi nhuận, ngày càng mở rộng và chiếm vai trò quan trọng trong hoạt động cung cấp dịch vụ phúc lợi từ nguồn kinh phí Nhà nước và từ các nguồn khác. Trong bối cảnh áp lực cạnh tranh ngày càng tăng, "khu vực thứ ba" phi lợi nhuận của Anh dường như sẽ phát triển theo kiểu người "anh em họ" là Mỹ, hơn là giống như các quốc gia khác trong lục địa châu Âu.

Hiện nay, có một số thay đổi đã ảnh hưởng đến vai trò của "khu vực thứ ba", đã tạo ra cả cơ hội lẫn thách thức. Chẳng hạn, sự "chuyên môn hoá" của khu vựcXHDS là

chủ đề bàn luận chung. Vấn đề hàng đầu xung quanh quan hệ đối tác XHDS với Nhà nước là vấn đề quản trị, minh bạch và trách nhiệm giải trình, như yêu cầu, đề nghị của các tổ chức tình nguyện, cộng đồng về trình diễn các kết quả công việc: Liệu vấn đề các tổ chức XHDS đã sử dụng nguồn kinh phí của Nhà nước có làm giảm sự độc lập và tự chủ, có làm cho tính đặc thù của tổ chức XHDS bị mai một hay không? Vấn đề khác là, việc các tổ chức XHDS “nhập khẩu”, áp dụng mô hình và thực tiễn cung cấp dịch vụ của khu vực công và doanh nghiệp tư nhân, áp lực từ nguồn kinh phí đối với hiệu quả và tính chuyên nghiệp cung cấp dịch vụ, cũng như việc mở rộng qui mô vai trò qua các hợp đồng thắng thầu, sẽ ảnh hưởng như thế nào đối với những điểm khác biệt cơ bản của khu vực XHDS?

Về đặc điểm XHDS như “xã hội tốt đẹp”: Hiện nay ở Anh và Ireland, đối với nhiều người dân, XHDS vẫn còn xa mới được coi là tốt đẹp. Điều này được thể hiện qua một số chỉ báo liên quan đến kết quả của các giá trị như công bằng xã hội, bình đẳng và không phân biệt đối xử.

Nhìn chung, trong 30 năm gần đây, nền kinh tế Anh đã phát triển với qui mô gấp đôi, đã đạt được nhiều chỉ báo xã hội tiến bộ. Tài sản vật chất gia tăng, song không có nghĩa là hạnh phúc, phúc lợi an lạc xã hội tăng lên. Sự phân bổ nguồn lực tài sản vật chất diễn ra không thống nhất và công bằng, xã hội phát triển theo hướng bất bình đẳng và tình trạng phân rẽ xã hội gia tăng. Khoảng cách giàu

nghèo trong xã hội tăng lên. Hiện nay, có khoảng 25% dân cư Anh vẫn sống trong nghèo khổ, xét cả về thu nhập và sự thiếu hụt đáp ứng của các nhu cầu cơ bản. Sự chuyển biến xã hội suy giảm. Chẳng hạn, giáo dục thường được coi là động lực chính của chuyển biến xã hội, mối liên hệ chặt giữa thu nhập gia đình và trình độ học vấn cho thấy việc gia tăng của cải quốc gia sẽ không tự động tạo ra một xã hội tốt đẹp. Chỉ có 9% sinh viên tốt nghiệp thuộc nhóm 20% gia đình nghèo nhất, trong khi có 47% sinh viên tốt nghiệp được xuất thân từ 20% gia đình giàu nhất (OECD 2007).

Nhiều yếu tố của thị trường như tư nhân hoá, chuyển dịch việc làm từ nội địa ra thị trường khác, áp dụng hợp đồng ngắn hạn, sử dụng lao động phổ thông trong thị trường lao động linh hoạt.v.v... đã chuyển giao những gánh nặng về giáo dục, đào tạo, chăm sóc y tế, lao động dư thừa từ khu vực Nhà nước và thị trường sang vai các cá nhân và gia đình.

Nhiều rủi ro trong xã hội đã nảy sinh, đặc biệt với trẻ em như nạn lạm dụng rượu bia, ma túy, tình dục không an toàn, nghèo đói, bạo lực. Có khoảng một nửa trẻ em nghèo ở Anh sống ở các gia đình mà cha mẹ có thu nhập thấp, chứ không phải do nguyên nhân bố mẹ bị thất nghiệp. Báo cáo UNICEF (2007) cho thấy, mặc dù tỉ lệ nghèo đói của trẻ em giảm dần từ 25% xuống còn 15% trong thập kỉ qua, trong nhóm 21 nước phát triển kinh tế tiên tiến, Anh xếp đứng thứ

21/21 về vấn đề phúc lợi trẻ em và vị thành niên.

Có nhiều chứng cứ cho thấy, không chỉ có khu vực XHDS là thiếu nguồn lực có đủ năng lực hoặc đủ hợp pháp để tạo ra XHDS "tốt đẹp". Các tác nhân quan trọng khác như thị trường, Chính phủ hoặc các cá nhân có thể lực ảnh hưởng trong xã hội đều phải có trách nhiệm nâng cao mức sống phúc lợi cho mọi người và bảo vệ môi trường sống. Do vậy, tích cực điều chỉnh bản chất mối quan hệ giữa XHDS và các tác nhân này là việc rất quan trọng, nhằm tạo ra xã hội tốt đẹp trên cơ sở bình đẳng, không phân biệt đối xử và công bằng xã hội.

Về XHDS thu hút người dân tham gia tranh luận ở lĩnh vực công:

Trong xã hội Anh, hiện nay có khá nhiều công cụ, phương tiện để tổ chức hoạt động XHDS như sử dụng toà nhà, không gian công cộng, công nghệ thông tin, truyền thông. Tuy nhiên, không gian công cộng để thu hút người dân tham gia ngày càng bị thu hẹp, đặc biệt ở các đô thị. Việc tư hữu hoá hoặc hình thức sở hữu công - tư đầy mạnh, đã làm cho hầu hết các cơ sở công cộng bị biến mất và xã hội không còn kiểm soát hoặc sở hữu. Sự thiếu hụt các hạ tầng cơ sở công cộng, hoặc chủ yếu là các không gian do tư nhân sở hữu với những qui định riêng, đã ảnh hưởng đến các hoạt động dân sự có tổ chức, hợp pháp hoặc tự phát ở cơ sở. Do vậy, cần quan tâm tạo cơ hội cho người dân tiếp cận cơ sở vật chất công cộng, cải tiến chất

lượng và thiết kế các không gian chung, đặc biệt ở các khu đô thị nghèo, nơi có tình trạng phân rẽ xã hội (tôn giáo, sắc tộc) v.v...

Về mối quan hệ giữa XHDS và Nhà nước:

Nhìn chung, ở Anh, mối quan hệ giữa Nhà nước và XHDS chịu ảnh hưởng của hai yếu tố là vai trò, ảnh hưởng của Chính phủ ở các cấp độ khác nhau và quá trình thay đổi Hiến pháp. Chính phủ, các chính quyền và Quốc hội ở nước Anh thể hiện cam kết đặc biệt khuyến khích sự phục hồi XHDS, khuyến khích tinh thần công dân tích cực tham gia hoạt động tình nguyện và phát triển cộng đồng. Thông qua Hiệp ước Compact (Anh, Xứ Wales và Scotland), các cơ quan đều cam kết xây dựng quan hệ tốt hơn với khu vực tình nguyện (và cộng đồng), nhằm phát triển khu vực này một cách có tổ chức và trở thành đối tác hiệu quả trong cung cấp các dịch vụ công.

Mối quan hệ giữa XHDS và thị trường. (Ví dụ, vai trò của truyền thông đối với XHDS) và tăng cường các hình thức doanh nghiệp xã hội, các sáng kiến thương mại có đạo đức và đầu tư xã hội hiện nay ít được khám phá và nghiên cứu.

Ở Anh, khu vực tình nguyện và cộng đồng được coi là sự mở rộng hoạt động hiệp hội không chính thức của công dân và tạo nên nền tảng cơ bản của XHDS. Ví dụ, ở Anh, Hội đồng Quốc gia Tổ chức Tình nguyện (NCVO) khuyến khích, thúc đẩy các

tổ chức tình nguyện, cộng đồng tham gia nghiên cứu và xây dựng chiến lược phát triển cho tương lai. Sự phát triểnXHDS ở Bắc Ireland có nét khác biệt hơn, chưa có tổ chức đại diện chung cho khu vực tình nguyện và cộng đồng, còn tồn tại mâu thuẫn giữa các cộng đồng hoặc giữa khu vực tình nguyện và cộng đồng.

Bên cạnh khu vực tình nguyện chính thức, còn tồn tại một số tổ chức tôn giáo tự lực cộng đồng, tình nguyện, các nhóm áp lực, vận động xã hội khác nhau, sử dụng các phương tiện công nghệ thông tin, truyền thông.

Nhìn chung, người dân dường như không muốn tham gia vào các hình thức chính trị truyền thống. Ví dụ, giai đoạn 2001-2005, số lượng người tham gia hai đợt bầu cử chính trị là thấp, song họ lại tỏ ra khá nhiệt tình tham gia các hình thức mới như các phong trào xã hội hoặc các tổ chức cộng đồng tình nguyện ở địa phương.

Ở Anh và Ireland, đều có hợp tác chặt chẽ giữa chính sách, chương trình công của Chính phủ, chính quyền địa phương và XHDS; Giữa khu vực doanh nghiệp và XHDS, ví dụ, thực hiện chương trình trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp. Tuy nhiên, ở cả hai mối quan hệ nêu trên vừa có thể tồn tại quan hệ đối tác và cùng đạt lợi ích.

4. Một số nhận xét

Xã hội dân sự là khoảng không gian xã hội nằm giữa Nhà nước, Thị trường và Gia đình, nơi mọi người cùng bắt tay nhau để xây dựng, thúc đẩy quyền lợi chung của xã hội và cá nhân trong xã hội. XHDS được hiểu là một xã hội tốt đẹp, một đời sống hiệp hội và một lĩnh vực công cộng. Nó có những đặc điểm tự nguyện, tự tổ chức, tự chủ, đa dạng, phi lợi nhuận, phi thương mại, hành động mang tính tập thể, có trách nhiệm giải trình, cam kết minh bạch, tính dân sự và dân sự hóa. XHDS ở Liên hiệp Anh – đại diện cho mô hình Tân tự do bắt nguồn từ tư tưởng tách biệt rõ ràng giữa nhà nước – thị trường – gia đình, nghĩa là các “tổ chức phi lợi nhuận”, “các tổ chức tình nguyện” tức các tổ chức XHDS (CSO) tồn tại độc lập với nhà nước nhiều hơn bất kỳ với một nhà nước nào khác trên thế giới. Nó tồn tại độc lập để đóng vai trò trung gian, “cầu nối”, làm cân bằng giữa nhà nước, thị trường và gia đình. Nó cũng nhấn mạnh đến vai trò của pháp luật, các quyền tự do cá nhân và sự tự quản và nhiều ý tưởng như “vốn xã hội” - vai trò của XHDS trong việc tạo ra sự hợp tác và tin tưởng trong dân chúng.

Tuy vậy, bên cạnh những mặt tích cực là cơ bản, XHDS ở Liên hiệp Anh còn tồn tại những tiêu cực như: Do phát triển theo mô hình “tân tự do”, nên ở Anh thường quá đề cao vai trò của thị trường, coi thị trường tự

do, cạnh tranh quyết liệt vì mục tiêu lợi nhuận là trên hết, ít chú ý đến vai trò củaXHDS, không xem xét lại vấn đề liệu thị trường tự do có khuyến khích dân chủ hay không. Và đã không công nhận XHDS dân chủ sẽ là cuộc đấu tranh vì thế giới tốt đẹp hơn, họ coi đó là vấn đề chính trị, tầm nhìn nguyên vọng chung, chứ không phải là vấn đề quản trị dân chủ. Trong sự phát triển, các tổ chức XHDS luôn luôn độc lập mạnh mẽ với Nhà nước, vì thế rất dễ tạo ra xung đột giữa XHDS với Nhà nước.

Tài liệu tham khảo

1. Irene Norlund (Viện Nghiên cứu Châu Á của các nước Bắc Âu): “*Các diễn ngôn quốc tế về xã hội dân sự*”, báo cáo tại Hội thảo quốc tế tổ chức tại Viện Nghiên cứu Quản lý Kinh tế Trung ương ngày 4/4/2008.

2. Dương Xuân Ngọc: “*Một số vấn đề lý luận và thực tiễn xây dựng XHDS ở nước ta*”, Bản thuyết minh đề tài cấp Bộ năm 2007 của Học viện Báo chí và Tuyên truyền.

3. Nguyễn Như Phát: “*Xã hội dân sự – kinh nghiệm nước ngoài và bài học cho Việt Nam*”, báo cáo tại Hội thảo quốc tế tổ chức tại Viện Khoa học xã hội Việt Nam ngày 28,29/02/2008.

4. Nguyễn Minh Phương: “*Các tổ chức XHDS trong nền kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam*”, Tạp chí Thông tin KHXH số 7/2007 (295).

5. Nguyễn Thanh Tuấn: “*Xã hội dân sự: từ kinh điển Mác – Lênin đến thực tiễn Việt Nam hiện nay*”, www.tapchicongsan.org.vn

6. Lester Salamon, H. Adheir, Regina List, et all, *Global civil society: Dimensions of the non profit sector*, John Hopkin Center for civil society Studies, 1999.

7. Lester Salamon, H Adheir, Regina List, et all, *Global civil society: an overview*, 2003.

8. Diamond L.1991 (ed) *The democratic revolution: Struggle from freedom and prulalism in the developing world*, Perspectives of freedom N 12, Freedom house.

9. Putnam D. R. 2002 (ed). *Democracies in Flux. Evolution of social capital*, Oxford, Oxford Univer Press. Herbert, 2003.

10. Thomat Meyer và Nicole Breyer, 2007, *The future of social democracy*, Frierich Ebbert Stiftung, Germany.36. Office of National Statistics, 2003, Lon don, <http://www.statistics.gov>. UK.

11. NCVO (2006). *The UK voluntary sector Almanac 2006*, London.